

DANH SÁCH NGƯỜI ĐANG THỰC HÀNH KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH TẠI TRUNG TÂM Y TẾ VIỆT YÊN

1. Tên cơ sở thực hành: Trung tâm Y tế Việt Yên
2. Địa chỉ: TDP Đồn Lương, phường Việt Yên, tỉnh Bắc Ninh
3. Danh sách người thực hành:

TT	Họ tên người thực hành	Số CCCD	Đang làm việc tại cơ sở KBCB	Văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp	Chức danh đăng ký thực hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn đăng ký thực hành	TG đăng ký thực hành (từ ngày...đến ngày..)	Nội dung thực hành/bộ phận chuyên môn	Người hướng dẫn thực hành (họ tên, số CCHN, ngày cấp, trình độ, phạm vi CM)
1	Ngô Thị Loan	024191009100	TTYT các khu CN tỉnh Bắc Giang	Bác sĩ ngành Y học dự phòng (cấp ngày 06/7/2015)	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Y học dự phòng	12 tháng (từ ngày 16/12/2024)	2,5 tháng KCB tại khoa Nhi; 2,5 tháng tại Khoa Ngoại; 2,5 tháng tại Khoa Nội; 03 tháng KBCB tại Khoa CC-HSTC-CĐ; 15 ngày tại Khoa Đông y; 20 ngày tại Khoa LCK; 07 ngày tại PK Da liễu (KKB); 03 ngày tại Phòng Điều dưỡng	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Thị Lân, Số CCHN 005455/BG-CCHN cấp ngày 10/06/2016; BSCKI; KB, CB chuyên khoa Nhi 2. Đoàn Sơn Tùng; Số CCHN 005680/BG-CCHN cấp ngày 08/09/2016; Thạc sỹ; KB, CB chuyên khoa Ngoại 3. Trần Thanh Huyền, Số CCHN 000366/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, nội khoa 4. Nguyễn Thành Hưng, Số CCHN 000342/BG-CCHN cấp ngày 08/3/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, chuyên khoa hồi sức, cấp cứu 5. Nguyễn Quang Hiên; Số CCHN 006939/BG-CCHN cấp ngày 08/08/2018; BSCKI; KB, CB bằng y học cổ truyền. 6. Phùng Đăng Khoa; Số CCHN 000343/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, chuyên khoa răng hàm mặt 7. Hoàng Thị Linh; Số CCHN 005456/BG-CCHN cấp ngày 10/06/2016; BSCKI; KB, CB Nội khoa; bs Chuyên khoa mắt. 8. Lê Thị Hiền; Số CCHN 000341/BG-CCHN cấp ngày 05/09/2019; BSCKI; KB, CB chuyên khoa Tai- Mũi- Họng. 9. Trịnh Thị Tâm, Số CCHN 006816/BG-CCHN cấp ngày 26/04/2018; BSCKI; Khám, chữa bệnh đa khoa; Khám, chữa bệnh chuyên khoa da liễu 10. Ngụy Thanh Chiến, Số CCHN 000353/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; CNĐD; Phạm vi CM: Theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng

<i>TT</i>	<i>Họ tên người thực hành</i>	<i>Số CCCD</i>	<i>Đang làm việc tại cơ sở KBCB</i>	<i>Văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp</i>	<i>Chức danh đăng ký thực hành</i>	<i>Phạm vi hoạt động chuyên môn đăng ký thực hành</i>	<i>TG đăng ký thực hành (từ ngày...đến ngày..)</i>	<i>Nội dung thực hành/bộ phận chuyên môn</i>	<i>Người hướng dẫn thực hành (họ tên, số CCHN, ngày cấp, trình độ, phạm vi CM)</i>
2	Tạ Thị Ngoan	024189017554	TTYT các khu CN tỉnh Bắc Giang	Bác sĩ Y học dự phòng (cấp ngày 01/8/2013)	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Y học dự phòng	12 tháng (từ ngày 16/12/2024)	2,5 tháng KCB tại khoa Nhi; 2,5 tháng tại Khoa Ngoại; 2,5 tháng tại Khoa Nội; 03 tháng KBCB tại Khoa CC-HSTC-CĐ; 15 ngày tại Khoa Đông y; 20 ngày tại Khoa LCK; 07 ngày tại PK Da liễu (KKB); 03 ngày tại Phòng Điều dưỡng	1. Nguyễn Thị Lân, Số CCHN 005455/BG-CCHN cấp ngày 10/06/2016; BSCKI; KB, CB chuyên khoa Nhi 2. Đoàn Sơn Tùng; Số CCHN 005680/BG-CCHN cấp ngày 08/09/2016; Thạc sỹ; KB, CB chuyên khoa Ngoại 3. Trần Thanh Huyền, Số CCHN 000366/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, nội khoa 4. Nguyễn Thành Hưng, Số CCHN 000342/BG-CCHN cấp ngày 08/3/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, chuyên khoa hồi sức, cấp cứu 5. Nguyễn Quang Hiên; Số CCHN 006939/BG-CCHN cấp ngày 08/08/2018; BSCKI; KB, CB bằng y học cổ truyền. 6. Phùng Đăng Khoa; Số CCHN 000343/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, chuyên khoa răng hàm mặt 7. Hoàng Thị Linh; Số CCHN 005456/BG-CCHN cấp ngày 10/06/2016; BSCKI; KB, CB Nội khoa; bs Chuyên khoa mắt. 8. Lê Thị Hiền; Số CCHN 000341/BG-CCHN cấp ngày 05/09/2019; BSCKI; KB, CB chuyên khoa Tai- Mũi- Họng. 9. Trịnh Thị Tâm, Số CCHN 006816/BG-CCHN cấp ngày 26/04/2018; BSCKI; Khám, chữa bệnh đa khoa; Khám, chữa bệnh chuyên khoa da liễu 10. Nguyễn Thanh Chiến, Số CCHN 000353/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; CNĐD; Phạm vi CM: Theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng TTYT Việt Yên phân công
3	Đặng Minh Quang	024094003301		Bác sĩ Y học dự phòng (cấp ngày 19/6/2019)	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Y học dự phòng	12 tháng (từ ngày 01/01/2025)	2,5 tháng tại Khoa Ngoại; 2,5 tháng KCB tại khoa Nhi; 2,5 tháng tại Khoa Nội; 15 ngày tại Khoa Đông y; 20 ngày tại Khoa	1. Đoàn Sơn Tùng; Số CCHN 005680/BG-CCHN cấp ngày 08/09/2016; Thạc sỹ; KB, CB chuyên khoa Ngoại 2. Nguyễn Thị Lân, Số CCHN 005455/BG-CCHN cấp ngày 10/06/2016; BSCKI; KB, CB chuyên khoa Nhi 3. Trần Thanh Huyền, Số CCHN 000366/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, nội khoa 4. Nguyễn Quang Hiên; Số CCHN 006939/BG-CCHN cấp ngày 08/08/2018; BSCKI; KB, CB bằng y học cổ truyền.

<i>TT</i>	<i>Họ tên người thực hành</i>	<i>Số CCCD</i>	<i>Đang làm việc tại cơ sở KBCB</i>	<i>Văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp</i>	<i>Chức danh đăng ký thực hành</i>	<i>Phạm vi hoạt động chuyên môn đăng ký thực hành</i>	<i>TG đăng ký thực hành (từ ngày...đến ngày..)</i>	<i>Nội dung thực hành/bộ phận chuyên môn</i>	<i>Người hướng dẫn thực hành (họ tên, số CCHN, ngày cấp, trình độ, phạm vi CM)</i>
								LCK; 03 tháng KBCB tại Khoa CC-HSTC-CĐ; 07 ngày tại PK Da liễu (KKB); 03 ngày tại Phòng Điều dưỡng	5. Phùng Đăng Khoa; Số CCHN 000343/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, chuyên khoa răng hàm mặt 6. Hoàng Thị Linh; Số CCHN 005456/BG-CCHN cấp ngày 10/06/2016; BSCKI; KB, CB Nội khoa; bs Chuyên khoa mắt. 7. Lê Thị Hiền; Số CCHN 000341/BG-CCHN cấp ngày 05/09/2019; BSCKI; KB, CB chuyên khoa Tai- Mũi-Họng. 8. Nguyễn Thành Hưng, Số CCHN 000342/BG-CCHN cấp ngày 08/3/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, chuyên khoa hồi sức, cấp cứu 9. Trịnh Thị Tâm, Số CCHN 006816/BG-CCHN cấp ngày 26/04/2018; BSCKI; Khám, chữa bệnh đa khoa; Khám, chữa bệnh chuyên khoa đa liễu 10. Ngụy Thanh Chiến, Số CCHN 000353/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; CNDD; Phạm vi CM: Theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng TTYT Việt Yên phân công
4	Đỗ Thị Thu Hương	026195010540		Bác sĩ Y học dự phòng (cấp ngày 19/6/2019)	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Y học dự phòng	12 tháng (từ ngày 16/12/2024)	2,5 tháng tại Khoa Ngoại; 2,5 tháng KCB tại khoa Nhi; 2,5 tháng tại Khoa Nội; 15 ngày tại Khoa Đông y; 20 ngày tại Khoa LCK; 03 tháng KBCB tại Khoa CC-HSTC-CĐ; 07 ngày tại PK Da liễu (KKB); 03 ngày tại Phòng Điều dưỡng	1. Đoàn Sơn Tùng; Số CCHN 005680/BG-CCHN cấp ngày 08/09/2016; Thạc sỹ; KB, CB chuyên khoa Ngoại 2. Nguyễn Thị Lân, Số CCHN 005455/BG-CCHN cấp ngày 10/06/2016; BSCKI; KB, CB chuyên khoa Nhi 3. Trần Thanh Huyền, Số CCHN 000366/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, nội khoa 4. Nguyễn Quang Hiền; Số CCHN 006939/BG-CCHN cấp ngày 08/08/2018; BSCKI; KB, CB bằng y học cổ truyền. 5. Phùng Đăng Khoa; Số CCHN 000343/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, chuyên khoa răng hàm mặt 6. Hoàng Thị Linh; Số CCHN 005456/BG-CCHN cấp ngày 10/06/2016; BSCKI; KB, CB Nội khoa; bs Chuyên khoa mắt. 7. Lê Thị Hiền; Số CCHN 000341/BG-CCHN cấp ngày 05/09/2019; BSCKI; KB, CB chuyên khoa Tai- Mũi-Họng.

<i>TT</i>	<i>Họ tên người thực hành</i>	<i>Số CCCD</i>	<i>Đang làm việc tại cơ sở KBCB</i>	<i>Văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp</i>	<i>Chức danh đăng ký thực hành</i>	<i>Phạm vi hoạt động chuyên môn đăng ký thực hành</i>	<i>TG đăng ký thực hành (từ ngày...đến ngày..)</i>	<i>Nội dung thực hành/bộ phận chuyên môn</i>	<i>Người hướng dẫn thực hành (họ tên, số CCHN, ngày cấp, trình độ, phạm vi CM)</i>
								<p>8. Nguyễn Thành Hưng, Số CCHN 000342/BG-CCHN cấp ngày 08/3/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, chuyên khoa hồi sức, cấp cứu</p> <p>9. Trịnh Thị Tâm, Số CCHN 006816/BG-CCHN cấp ngày 26/04/2018; BSCKI; Khám, chữa bệnh đa khoa; Khám, chữa bệnh chuyên khoa da liễu</p> <p>10. Ngụy Thanh Chiến, Số CCHN 000353/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; CNĐĐ; Phạm vi CM: Theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng TTYT Việt Yên phân công</p>	
5	Tiêu Thị Ngọc Minh	024195003965	TTYT Việt Yên	Bác sĩ Y học dự phòng (cấp ngày 19/6/2019)	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Y học dự phòng	12 tháng (từ ngày 01/8/2024)	<p>03 tháng KBCB tại Khoa CC-HSTC-CĐ; 2,5 tháng tại Khoa Nội; 2,5 tháng KCB tại khoa Nhi; 2,5 tháng tại Khoa Ngoại; 15 ngày tại Khoa Đông y; 20 ngày tại Khoa LCK; 07 ngày tại PK Da liễu (KKB); 03 ngày tại Phòng Điều dưỡng</p>	<p>1. Nguyễn Thành Hưng, Số CCHN 000342/BG-CCHN cấp ngày 08/3/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, chuyên khoa hồi sức, cấp cứu</p> <p>2. Trần Thanh Huyền, Số CCHN 000366/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, nội khoa</p> <p>3. Tạ Thị Tĩnh, Số CCHN 0003922/BG-CCHN cấp ngày 17/04/2015; BSCKI; KB, CB đa khoa</p> <p>4. Đoàn Văn Trung, Số CCHN 000335/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKII; KB, CB đa khoa, chuyên khoa ngoại.</p> <p>5. Nguyễn Quang Hiền; Số CCHN 006939/BG-CCHN cấp ngày 08/08/2018; BSCKI; KB, CB bằng y học cổ truyền.</p> <p>6. Phùng Đăng Khoa; Số CCHN 000343/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, chuyên khoa răng hàm mặt</p> <p>7. Hoàng Thị Linh; Số CCHN 005456/BG-CCHN cấp ngày 10/06/2016; BSCKI; KB, CB Nội khoa; bs Chuyên khoa mắt.</p> <p>8. Trịnh Thị Tâm, Số CCHN 006816/BG-CCHN cấp ngày 26/04/2018; BSCKI; Khám, chữa bệnh đa khoa; Khám, chữa bệnh chuyên khoa da liễu</p> <p>9. Ngụy Thanh Chiến, Số CCHN 000353/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; CNĐĐ; Phạm vi CM: Theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng</p>

<i>TT</i>	<i>Họ tên người thực hành</i>	<i>Số CCCD</i>	<i>Đang làm việc tại cơ sở KBCB</i>	<i>Văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp</i>	<i>Chức danh đăng ký thực hành</i>	<i>Phạm vi hoạt động chuyên môn đăng ký thực hành</i>	<i>TG đăng ký thực hành (từ ngày...đến ngày..)</i>	<i>Nội dung thực hành/bộ phận chuyên môn</i>	<i>Người hướng dẫn thực hành (họ tên, số CCHN, ngày cấp, trình độ, phạm vi CM)</i>
									TTYT Việt Yên phân công
6	Lê Ngọc Anh	024089011828	TTYT Việt Yên	Bác sĩ Y học dự phòng (cấp ngày 11/7/2013)	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Y học dự phòng	12 tháng (từ ngày 01/8/2024)	03 tháng KBCB tại Khoa CC-HSTC-CĐ; 2,5 tháng tại Khoa Nội; 2,5 tháng KCB tại khoa Nhi; 2,5 tháng tại Khoa Ngoại; 15 ngày tại Khoa Đông y; 20 ngày tại Khoa LCK; 07 ngày tại PK Da liễu (KKB); 03 ngày tại Phòng Điều dưỡng	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Thành Hưng, Số CCHN 000342/BG-CCHN cấp ngày 08/3/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, chuyên khoa hồi sức, cấp cứu 2. Trần Thanh Huyền, Số CCHN 000366/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, nội khoa 3. Tạ Thị Tĩnh, Số CCHN 0003922/BG-CCHN cấp ngày 17/04/2015; BSCKI; KB, CB đa khoa 4. Nguyễn Danh Tuấn, Số CCHN 0003155/BG-CCHN cấp ngày 24/11/2014; BSCKI; KB, CB đa khoa, chuyên khoa ngoại. 5. Nguyễn Quang Hiền; Số CCHN 006939/BG-CCHN cấp ngày 08/08/2018; BSCKI; KB, CB bằng y học cổ truyền. 6. Phùng Đăng Khoa; Số CCHN 000343/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, chuyên khoa răng hàm mặt 7. Hoàng Thị Linh; Số CCHN 005456/BG-CCHN cấp ngày 10/06/2016; BSCKI; KB, CB Nội khoa; bs Chuyên khoa mắt. 8. Trịnh Thị Tâm, Số CCHN 006816/BG-CCHN cấp ngày 26/04/2018; BSCKI; Khám, chữa bệnh đa khoa; Khám, chữa bệnh chuyên khoa da liễu 9. Nguy Thanh Chiến, Số CCHN 000353/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; CNĐD; Phạm vi CM: Theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng TTYT Việt Yên phân công

<i>TT</i>	<i>Họ tên người thực hành</i>	<i>Số CCCD</i>	<i>Đang làm việc tại cơ sở KBCB</i>	<i>Văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp</i>	<i>Chức danh đăng ký thực hành</i>	<i>Phạm vi hoạt động chuyên môn đăng ký thực hành</i>	<i>TG đăng ký thực hành (từ ngày...đến ngày..)</i>	<i>Nội dung thực hành/bộ phận chuyên môn</i>	<i>Người hướng dẫn thực hành (họ tên, số CCHN, ngày cấp, trình độ, phạm vi CM)</i>
7	Chu Xuân Cường	024096003941		Bác sĩ Y học dự phòng (cấp ngày 10/7/2024)	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Y học dự phòng	12 tháng (từ ngày 15/10/2024)	03 tháng KBCB tại Khoa CC-HSTC-CĐ; 2,5 tháng tại Khoa Nội; 2,5 tháng KCB tại khoa Nhi; 2,5 tháng tại Khoa Ngoại; 15 ngày tại Khoa Đông y; 20 ngày tại Khoa LCK; 07 ngày tại PK Da liễu (KKB); 03 ngày tại Phòng Điều dưỡng	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Thành Hưng, Số CCHN 000342/BG-CCHN cấp ngày 08/3/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, chuyên khoa hồi sức, cấp cứu 2. Trần Thanh Huyền, Số CCHN 000366/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, nội khoa 3. Tạ Thị Tĩnh, Số CCHN 0003922/BG-CCHN cấp ngày 17/04/2015; BSCKI; KB, CB đa khoa 4. Đoàn Văn Trung, Số CCHN 000335/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKII; KB, CB đa khoa, chuyên khoa ngoại. 5. Dương Minh Hiền; Số CCHN 0004939/BG-CCHN cấp ngày 28/10/2015; BSCKI; KB, CB bằng y học cổ truyền. 6. Phùng Đăng Khoa; Số CCHN 000343/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, chuyên khoa răng hàm mặt 7. Hoàng Thị Linh; Số CCHN 005456/BG-CCHN cấp ngày 10/06/2016; BSCKI; KB, CB Nội khoa; bs Chuyên khoa mắt. 8. Đinh Văn Tùng, Số CCHN 0002711/BG-CCHN cấp ngày 06/05/2014; BSCKI; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu; HIV/AIDS 9. Ngụy Thanh Chiến, Số CCHN 000353/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; CNĐD; Phạm vi CM: Theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng TTYT Việt Yên phân công
8	Nguyễn Thế Nam	024091006126	TTYT Việt Yên	Bác sĩ Y khoa (cấp ngày 06/02/2025)	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ Y khoa	12 tháng (từ ngày 15/01/2025)	1,5 tháng KCB tại Khoa Nhi; 03 tháng tại Khoa CC-HSTC-CĐ; 1,5 tháng tại Khoa Nội; 1,5 tháng tại khoa Ngoại; 1,5 tháng tại Khoa Phụ Sản-CSSKSS; 15	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Thị Lân, Số CCHN 005455/BG-CCHN cấp ngày 10/06/2016; BSCKI; KB, CB chuyên khoa Nhi 2. Nguyễn Thành Hưng, Số CCHN 000342/BG-CCHN cấp ngày 08/3/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, chuyên khoa hồi sức, cấp cứu 3. Trần Thanh Huyền, Số CCHN 000366/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, nội khoa 4. Đoàn Văn Trung, Số CCHN 000335/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKII; KB, CB đa khoa, chuyên khoa ngoại.

<i>TT</i>	<i>Họ tên người thực hành</i>	<i>Số CCCD</i>	<i>Đang làm việc tại cơ sở KBCB</i>	<i>Văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp</i>	<i>Chức danh đăng ký thực hành</i>	<i>Phạm vi hoạt động chuyên môn đăng ký thực hành</i>	<i>TG đăng ký thực hành (từ ngày...đến ngày..)</i>	<i>Nội dung thực hành/bộ phận chuyên môn</i>	<i>Người hướng dẫn thực hành (họ tên, số CCHN, ngày cấp, trình độ, phạm vi CM)</i>
								<p>ngày tại Khoa Đông y; 15 ngày tại khoa PHCN; 01 tháng tại Khoa LCK (TMH-RHM-M); 10 ngày tại PK Da liễu (KKB); 10 ngày tại Khoa Xét nghiệm; 07 ngày tại Khoa CĐHA; 03 ngày tại Phòng Điều dưỡng</p>	<p>5. Nguyễn Thị Hạnh, Số CCHN 000195/BG-CCHN cấp ngày 14/12/2012; BSCKI; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa phụ sản 6. Nguyễn Quang Hiền; Số CCHN 006939/BG-CCHN cấp ngày 08/08/2018; BSCKI; KB, CB bằng y học cổ truyền. 7. Nguyễn Minh Hiệp; Số CCHN 000420/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKI; KB, CB bằng y học cổ truyền, bổ sung KBCB chuyên khoa VLTL-PHCN 8. Phùng Đăng Khoa; Số CCHN 000343/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, chuyên khoa răng hàm mắt 9. Hoàng Thị Linh; Số CCHN 005456/BG-CCHN cấp ngày 10/06/2016; BSCKI; KB, CB Nội khoa; bs Chuyên khoa mắt. 10. Lê Thị Hiền; Số CCHN 000341/BG-CCHN cấp ngày 05/09/2019; BSCKI; KB, CB chuyên khoa Tai- Mũi- Họng. 11. Trịnh Thị Tâm, Số CCHN 006816/BG-CCHN cấp ngày 26/04/2018; BSCKI; Khám, chữa bệnh đa khoa; Khám, chữa bệnh chuyên khoa da liễu 12. Nguyễn Thị Sâm; Số CCHN 000355/BG-CCHN cấp ngày 21/01/2019; CN Xét nghiệm; Chuyên khoa xét nghiệm 13. Hoàng Thị Minh; Số CCHN 0005060/BG-CCHN cấp ngày 09/12/2015; BSCKI; Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh 14. Ngụy Thanh Chiến, Số CCHN 000353/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; CNDD; Phạm vi CM: Theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng</p>
9	Đình Huy Hoàn	024087016178		Bác sĩ Y khoa (cấp ngày 19/6/2019)	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ Y khoa	12 tháng (từ ngày 01/9/2024)	<p>03 tháng tại Khoa CC-HSTC-CĐ; 1,5 tháng tại Khoa Nội; 1,5 tháng KCB tại Khoa Nhi; 1,5 tháng</p>	<p>1. Nguyễn Thành Hưng, Số CCHN 000342/BG-CCHN cấp ngày 08/3/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, chuyên khoa hồi sức, cấp cứu 2. Trần Thanh Huyền, Số CCHN 000366/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, nội khoa 3. Tạ Thị Tĩnh, Số CCHN 0003922/BG-CCHN cấp ngày 17/04/2015; BSCKI Nhi; KB, CB đa khoa</p>

<i>TT</i>	<i>Họ tên người thực hành</i>	<i>Số CCCD</i>	<i>Đang làm việc tại cơ sở KBCB</i>	<i>Văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp</i>	<i>Chức danh đang ký thực hành</i>	<i>Phạm vi hoạt động chuyên môn đăng ký thực hành</i>	<i>TG đăng ký thực hành (từ ngày...đến ngày..)</i>	<i>Nội dung thực hành/bộ phận chuyên môn</i>	<i>Người hướng dẫn thực hành (họ tên, số CCHN, ngày cấp, trình độ, phạm vi CM)</i>
								<p>tại Khoa Phụ Sản-CSSKSS; 15 ngày tại Khoa Đông y; 15 ngày tại khoa PHCN; 01 tháng tại Khoa LCK (TMH-RHM-M); 10 ngày tại PK Da liễu (KKB); 10 ngày tại Khoa Xét nghiệm; 07 ngày tại Khoa CDHA; 03 ngày tại Phòng Điều dưỡng; 1,5 tháng tại khoa Ngoại</p>	<p>4. Lê Thị Thúy Hương, Số CCHN 0003873/BG-CCHN cấp ngày 17/04/2015; BSCKI; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa phụ sản 5. Nguyễn Văn Long, Số CCHN 003065/LS-CCHN cấp ngày 07/09/2015; BSCKI; KB, CB chuyên khoa ngoại. 6. Nguyễn Quang Hiền; Số CCHN 006939/BG-CCHN cấp ngày 08/08/2018; BSCKI; KB, CB bằng y học cổ truyền. 7. Nguyễn Minh Hiệp; Số CCHN 000420/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKI; KB, CB bằng y học cổ truyền, bổ sung KBCB chuyên khoa VLTL-PHCN 8. Phùng Đăng Khoa; Số CCHN 000343/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, chuyên khoa răng hàm mặt 9. Hoàng Thị Linh; Số CCHN 005456/BG-CCHN cấp ngày 10/06/2016; BSCKI; KB, CB Nội khoa; bs Chuyên khoa mắt. 10. Lê Thị Hiền; Số CCHN 000341/BG-CCHN cấp ngày 05/09/2019; BSCKI; KB, CB chuyên khoa Tai- Mũi- Họng. 11. Trịnh Thị Tâm, Số CCHN 006816/BG-CCHN cấp ngày 26/04/2018; BSCKI; Khám, chữa bệnh đa khoa; Khám, chữa bệnh chuyên khoa da liễu 12. Nguyễn Thị Sâm; Số CCHN 000355/BG-CCHN cấp ngày 21/01/2019; CN Xét nghiệm; Chuyên khoa xét nghiệm 13. Vũ Văn Nam; Số CCHN 000203/BG-CCHN cấp ngày 14/12/2012; BSCKI; Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh 14. Ngụy Thanh Chiến, Số CCHN 000353/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; CNDD; Phạm vi CM: Theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng</p>

<i>TT</i>	<i>Họ tên người thực hành</i>	<i>Số CCCD</i>	<i>Đang làm việc tại cơ sở KBCB</i>	<i>Văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp</i>	<i>Chức danh đăng ký thực hành</i>	<i>Phạm vi hoạt động chuyên môn đăng ký thực hành</i>	<i>TG đăng ký thực hành (từ ngày...đến ngày..)</i>	<i>Nội dung thực hành/bộ phận chuyên môn</i>	<i>Người hướng dẫn thực hành (họ tên, số CCHN, ngày cấp, trình độ, phạm vi CM)</i>
10	Nguyễn Bảo Phương	024099002229	TTYT Việt Yên	Bác sĩ Y khoa (cấp ngày 15/11/2023)	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ Y khoa	12 tháng (từ ngày 01/6/2024)	12 tháng KBCB tại Khoa Phụ sản-CSSKSS	1. Lê Thị Thúy Hương, Số CCHN 0003873/BG-CCHN cấp ngày 17/04/2015; BSCKI; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa phụ sản 2. Nguyễn Thị Hồng Gấm, Số CCHN 000365/BG-CCHN cấp ngày 13/6/2017; BSCKI; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa sản
11	Bùi Thị Ly	024199005151		Bác sĩ ngành Y đa khoa (cấp ngày 03/8/2023)	Bác sĩ ngành Y đa khoa	Đa khoa	12 tháng (từ ngày 01/7/2024)	03 tháng tại Khoa CC-HSTC-CĐ; 1,5 tháng tại Khoa Nội; 1,5 tháng KCB tại Khoa Nhi; 1,5 tháng tại khoa Ngoại; 1,5 tháng tại Khoa Phụ Sản-CSSKSS; 15 ngày tại Khoa Đông y; 15 ngày tại khoa PHCN; 01 tháng tại Khoa LCK (TMH-RHM-M); 10 ngày tại Khoa Xét nghiệm; 07 ngày tại Khoa CDHA; 10 ngày tại PK Da liễu (KKB); 03 ngày tại Phòng Điều dưỡng	1. Nguyễn Thành Hưng, Số CCHN 000342/BG-CCHN cấp ngày 08/3/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, chuyên khoa hồi sức, cấp cứu 2. Trần Thanh Huyền, Số CCHN 000366/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, nội khoa 3. Tạ Thị Tĩnh, Số CCHN 0003922/BG-CCHN cấp ngày 17/04/2015; BSCKI Nhi; KB, CB đa khoa 4. Lê Thị Thúy Hương, Số CCHN 0003873/BG-CCHN cấp ngày 17/04/2015; BSCKI; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa phụ sản 5. Đoàn Văn Trung, Số CCHN 000335/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKII; KB, CB đa khoa, chuyên khoa ngoại. 6. Dương Minh Hiền; Số CCHN 0004939/BG-CCHN cấp ngày 28/10/2015; BSCKI; KB, CB bằng y học cổ truyền. 7. Nguyễn Minh Hiệp; Số CCHN 000420/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKI; KB, CB bằng y học cổ truyền, bổ sung KBCB chuyên khoa VLTL-PHCN 8. Phùng Đăng Khoa; Số CCHN 000343/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, chuyên khoa răng hàm mặt 9. Hoàng Thị Linh; Số CCHN 005456/BG-CCHN cấp ngày 10/06/2016; BSCKI; KB, CB Nội khoa; bs Chuyên khoa mắt. 10. Lê Thị Hiền; Số CCHN 000341/BG-CCHN cấp ngày 05/09/2019; BSCKI; KB, CB chuyên khoa Tai- Mũi- Họng. 11. Trịnh Thị Tâm, Số CCHN 006816/BG-CCHN cấp ngày 26/04/2018; BSCKI; Khám, chữa bệnh đa khoa; Khám, chữa bệnh chuyên khoa da liễu

<i>TT</i>	<i>Họ tên người thực hành</i>	<i>Số CCCD</i>	<i>Đang làm việc tại cơ sở KBCB</i>	<i>Văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp</i>	<i>Chức danh đăng ký thực hành</i>	<i>Phạm vi hoạt động chuyên môn đăng ký thực hành</i>	<i>TG đăng ký thực hành (từ ngày...đến ngày..)</i>	<i>Nội dung thực hành/bộ phận chuyên môn</i>	<i>Người hướng dẫn thực hành (họ tên, số CCHN, ngày cấp, trình độ, phạm vi CM)</i>
								<p>12. Nguyễn Thị Sâm; Số CCHN 000355/BG-CCHN cấp ngày 21/01/2019; CN Xét nghiệm; Chuyên khoa xét nghiệm</p> <p>13. Hoàng Thị Minh; Số CCHN 0005060/BG-CCHN cấp ngày 09/12/2015; BSCKI; Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh</p> <p>14. Ngụy Thanh Chiến, Số CCHN 000353/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; CNĐD; Phạm vi CM: Theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng</p>	
12	Chu Thị Thu	024195011504		Bác sĩ Y khoa (cấp ngày 19/8/2024)	Bác sĩ Y khoa	Đa khoa	12 tháng (từ 15/10/2024)	<p>03 tháng tại Khoa CC-HSTC-CĐ; 1,5 tháng tại Khoa Nội; 1,5 tháng KCB tại Khoa Nhi; 1,5 tháng tại khoa Ngoại; 1,5 tháng tại Khoa Phụ Sản-CSSKSS; 15 ngày tại Khoa Đông y; 15 ngày tại khoa PHCN; 01 tháng tại Khoa LCK (TMH-RHM-M); 10 ngày tại Khoa Xét nghiệm; 07 ngày tại Khoa CDHA; 10</p>	<p>1. Nguyễn Thành Hưng, Số CCHN 000342/BG-CCHN cấp ngày 08/3/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, chuyên khoa hồi sức, cấp cứu</p> <p>2. Trần Thanh Huyền, Số CCHN 000366/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, nội khoa</p> <p>3. Nguyễn Thị Lân, Số CCHN 005455/BG-CCHN cấp ngày 10/06/2016; BSCKI; KB, CB chuyên khoa Nhi</p> <p>4. Nguyễn Thị Hạnh, Số CCHN 000195/BG-CCHN cấp ngày 14/12/2012; BSCKI; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa phụ sản</p> <p>5. Đoàn Sơn Tùng, Số CCHN 005680/BG-CCHN cấp ngày 08/09/2016; Thạc sĩ; KB, CB chuyên khoa ngoại.</p> <p>6. Dương Minh Hiền; Số CCHN 0004939/BG-CCHN cấp ngày 28/10/2015; BSCKI; KB, CB bằng y học cổ truyền.</p> <p>7. Nguyễn Minh Hiệp; Số CCHN 000420/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKI; KB, CB bằng y học cổ truyền, bổ sung KBCB chuyên khoa VLTL-PHCN</p> <p>8. Phùng Đăng Khoa; Số CCHN 000343/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, chuyên khoa răng hàm mặt</p>

<i>TT</i>	<i>Họ tên người thực hành</i>	<i>Số CCCD</i>	<i>Đang làm việc tại cơ sở KBCB</i>	<i>Văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp</i>	<i>Chức danh đăng ký thực hành</i>	<i>Phạm vi hoạt động chuyên môn đăng ký thực hành</i>	<i>TG đăng ký thực hành (từ ngày...đến ngày..)</i>	<i>Nội dung thực hành/bộ phận chuyên môn</i>	<i>Người hướng dẫn thực hành (họ tên, số CCHN, ngày cấp, trình độ, phạm vi CM)</i>
								<p>ngày tại PK Da liễu (KKB); 03 ngày tại Phòng Điều dưỡng</p> <p>9. Hoàng Thị Linh; Số CCHN 005456/BG-CCHN cấp ngày 10/06/2016; BSCKI; KB, CB Nội khoa; bs Chuyên khoa mắt. 10. Lê Thị Hiền; Số CCHN 000341/BG-CCHN cấp ngày 05/09/2019; BSCKI; KB, CB chuyên khoa Tai- Mũi- Họng. 11. Trịnh Thị Tâm, Số CCHN 006816/BG-CCHN cấp ngày 26/04/2018; BSCKI; Khám, chữa bệnh đa khoa; Khám, chữa bệnh chuyên khoa da liễu 12. Nguyễn Thị Sâm; Số CCHN 000355/BG-CCHN cấp ngày 21/01/2019; CN Xét nghiệm; Chuyên khoa xét nghiệm 13. Hoàng Thị Minh; Số CCHN 0005060/BG-CCHN cấp ngày 09/12/2015; BSCKI; Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh 14. Ngụy Thanh Chiến, Số CCHN 000353/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; CNĐD; Phạm vi CM: Theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng</p>	
13	Nguyễn Văn Tuấn	024083016727		Bác sĩ Y học cổ truyền (cấp ngày 05/4/2025)	Bác sĩ Y học cổ truyền	Y học cổ truyền	12 tháng (từ ngày 05/5/2025)	<p>03 tháng tại Khoa CC-HSTC-CD; 05 tháng tại Khoa Đông y; 01 tháng tại khoa PHCN; 20 ngày tại Khoa Nội; 20 ngày KCB tại Khoa Nhi; 10 ngày tại khoa Ngoại; 10 ngày tại Khoa LCK (TMH); 10 ngày tại Khoa LCK (Mắt); 10 ngày tại Khoa LCK (RHM); 10</p> <p>1. Nguyễn Thành Hưng, Số CCHN 000342/BG-CCHN cấp ngày 08/3/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, chuyên khoa hồi sức, cấp cứu 2. Nguyễn Quang Hiền; Số CCHN 006939/BG-CCHN cấp ngày 08/08/2018; BSCKI; KB, CB bằng y học cổ truyền. 3. Nguyễn Minh Hiệp; Số CCHN 000420/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKI; KB, CB bằng y học cổ truyền, bổ sung KBCB chuyên khoa VLTL-PHCN 5. Trần Thanh Huyền, Số CCHN 000366/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, nội khoa 6. Nguyễn Thị Lân, Số CCHN 005455/BG-CCHN cấp ngày 10/06/2016; BSCKI; KB, CB chuyên khoa Nhi 7. Đoàn Văn Trung, Số CCHN 000335/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKII; KB, CB đa khoa, chuyên khoa ngoại. 8. Phùng Đăng Khoa; Số CCHN 000343/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, chuyên khoa răng hàm mặt (Trưởng khoa)</p>	

<i>TT</i>	<i>Họ tên người thực hành</i>	<i>Số CCCD</i>	<i>Đang làm việc tại cơ sở KBCB</i>	<i>Văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp</i>	<i>Chức danh đăng ký thực hành</i>	<i>Phạm vi hoạt động chuyên môn đăng ký thực hành</i>	<i>TG đăng ký thực hành (từ ngày...đến ngày..)</i>	<i>Nội dung thực hành/bộ phận chuyên môn</i>	<i>Người hướng dẫn thực hành (họ tên, số CCHN, ngày cấp, trình độ, phạm vi CM)</i>
								ngày tại PK Da liễu (KKB); 03 ngày tại Phòng Điều dưỡng	9. Trịnh Thị Tâm, Số CCHN 006816/BG-CCHN cấp ngày 26/04/2018; BSCKI; Khám, chữa bệnh đa khoa; Khám, chữa bệnh chuyên khoa da liễu 10. Ngụy Thanh Chiến, Số CCHN 000353/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; CNDD; Phạm vi CM: Theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng
14	Đỗ Hải Quân	024082020690	TTYT Việt Yên	Bác sĩ Y học cổ truyền (cấp ngày 05/4/2025)	Bác sĩ Y học cổ truyền	Y học cổ truyền	12 tháng (từ ngày 06/5/2025)	03 tháng tại Khoa CC-HSTC-CĐ; 05 tháng tại Khoa Đông y; 01 tháng tại khoa PHCN; 20 ngày tại Khoa Nội; 20 ngày KCB tại Khoa Nhi; 10 ngày tại khoa Ngoại; 10 ngày tại Khoa LCK (TMH); 10 ngày tại Khoa LCK (Mắt); 10 ngày tại Khoa LCK (RHM); 10 ngày tại PK Da liễu (KKB); 03 ngày tại Phòng Điều dưỡng	1. Nguyễn Thành Hưng, Số CCHN 000342/BG-CCHN cấp ngày 08/3/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, chuyên khoa hồi sức, cấp cứu 2. Nguyễn Quang Hiền, Số CCHN 006939/BG-CCHN cấp ngày 08/08/2018; BSCKI; KB, CB bằng y học cổ truyền. 3. Nguyễn Minh Hiệp; Số CCHN 000420/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKI; KB, CB bằng y học cổ truyền, bổ sung KBCB chuyên khoa VLTL-PHCN 5. Trần Thanh Huyền, Số CCHN 000366/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, nội khoa 6. Nguyễn Thị Lân, Số CCHN 005455/BG-CCHN cấp ngày 10/06/2016; BSCKI; KB, CB chuyên khoa Nhi 7. Đoàn Văn Trung, Số CCHN 000335/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKII; KB, CB đa khoa, chuyên khoa ngoại. 8. Phùng Đăng Khoa; Số CCHN 000343/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, chuyên khoa răng hàm mặt (Trường khoa) 9. Trịnh Thị Tâm, Số CCHN 006816/BG-CCHN cấp ngày 26/04/2018; BSCKI; Khám, chữa bệnh đa khoa; Khám, chữa bệnh chuyên khoa da liễu 10. Ngụy Thanh Chiến, Số CCHN 000353/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; CNDD; Phạm vi CM: Theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng
15	Tổng Thị Thủy	024190012469	TTYT Việt Yên	Cử nhân Điều dưỡng (cấp ngày 31/8/2022)	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng đa khoa	06 tháng (từ ngày 01/02/2025)	01 tháng tại Khoa CC-HSTC-CĐ; 04 tháng 27 ngày	1. Tô Thị Thảo, Số CCHN 000375/BG-CCHN cấp ngày 21/04/2022; CN ĐĐ; Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã

<i>TT</i>	<i>Họ tên người thực hành</i>	<i>Số CCCD</i>	<i>Đang làm việc tại cơ sở KBCB</i>	<i>Văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp</i>	<i>Chức danh đăng ký thực hành</i>	<i>Phạm vi hoạt động chuyên môn đăng ký thực hành</i>	<i>TG đăng ký thực hành (từ ngày...đến ngày..)</i>	<i>Nội dung thực hành/bộ phận chuyên môn</i>	<i>Người hướng dẫn thực hành (họ tên, số CCHN, ngày cấp, trình độ, phạm vi CM)</i>
								tại Khoa Truyền nhiễm; 03 ngày tại Phòng Điều dưỡng	số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, KTY 2. Nguyễn Thị Thu Hương, Số CCHN 000360/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; CN ĐĐ; Phạm vi CM: Theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng 3. Ngụy Thanh Chiến, Số CCHN 000353/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; CNĐĐ; Phạm vi CM: Theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng
16	Nguyễn Thị Hương	024301005179		Cử nhân Điều dưỡng (cấp ngày 05/7/2024)	Cử nhân Điều dưỡng	Điều dưỡng đa khoa	06 tháng (từ ngày 09/6/2025)	01 tháng tại Khoa CC-HSTC-CĐ; 04 tháng 27 ngày tại Khoa Liên chuyên khoa; 03 ngày tại Phòng Điều dưỡng	1. Nguyễn Thu Thủy, Số CCHN 000363/BG-CCHN cấp ngày 21/04/2022; CN ĐĐ; Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, KTY 2. Vũ Thị Hạ, Số CCHN 000350/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; CN ĐĐ; Phạm vi CM: Theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng 3. Ngụy Thanh Chiến, Số CCHN 000353/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; CNĐĐ; Phạm vi CM: Theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng
17	Thân Hoàng Tuyển	024201009120		Dược sĩ (cấp ngày 13/11/2024)	Dược sĩ đại học	Dược sĩ đại học	24 tháng (từ ngày 02/4/2025)	24 tháng tại Khoa Dược – Vật tư, TTBYT	1. Lục Thị Thu Hà , Số CCHN 2198/CCHN-D-SYTBG cấp ngày 28/8//2023; DSCKI; Phạm vi: Mua và bán lẻ thuốc, trừ vắc xin.
18	Vương Tô Uyên	027186002304	TTYT Việt Yên	Cao đẳng Dược (cấp ngày 10/5/2023)	Dược sĩ Cao đẳng	Dược sĩ Cao đẳng	18 tháng (từ ngày 15/02/2025)	18 tháng tại Khoa Dược – Vật tư, TTBYT	1. Lục Thị Thu Hà , Số CCHN 2198/CCHN-D-SYTBG cấp ngày 28/8//2023; DSCKI; Phạm vi: Mua và bán lẻ thuốc, trừ vắc xin.
19	Vũ Danh Huy	024200012817		Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm Y học (cấp	Cử nhân Kỹ thuật Xét	Xét nghiệm	06 tháng (từ ngày 15/10/2024)	01 tháng tại Khoa CC-HSTC-CĐ; 04 tháng 27 ngày tại Khoa Xét	1. Đỗ Văn Mạnh; Số CCHN 006417/BG-CCHN cấp ngày 25/08/2017; BSCKI; KB, CB chuyên khoa Hồi sức cấp cứu

<i>TT</i>	<i>Họ tên người thực hành</i>	<i>Số CCCD</i>	<i>Đang làm việc tại cơ sở KBCB</i>	<i>Văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp</i>	<i>Chức danh đăng ký thực hành</i>	<i>Phạm vi hoạt động chuyên môn đăng ký thực hành</i>	<i>TG đăng ký thực hành (từ ngày...đến ngày..)</i>	<i>Nội dung thực hành/bộ phận chuyên môn</i>	<i>Người hướng dẫn thực hành (họ tên, số CCHN, ngày cấp, trình độ, phạm vi CM)</i>
				ngày 02/8/2024)	nghiệm Y học			nghiệm; 03 ngày tại Phòng Điều dưỡng	2. Nguyễn Thị Sâm; Số CCHN 000355/BG-CCHN cấp ngày 21/01/2019; CN Xét nghiệm; Chuyên khoa xét nghiệm 3. Ngụy Thanh Chiến, Số CCHN 000353/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; CNĐD; Phạm vi CM: Theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng
20	Thân Thị Thu Hương	024198007942		Cử nhân Điều dưỡng (cấp ngày 15/12/2023)	Cử nhân Điều dưỡng	Đa khoa	06 tháng (từ ngày 15/02/2025)	01 tháng tại Khoa CC-HSTC-CD; 04 tháng 27 ngày tại Khoa Ngoại; 03 ngày tại Phòng Điều dưỡng	1. Nguyễn Thu Thủy, Số CCHN 000363/BG-CCHN cấp ngày 21/04/2022; CN ĐD; Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, KTY 2. Nguyễn Thị Thoa, Số CCHN 000082/BG-CCHN cấp ngày 21/04/2022; ĐĐCKI; Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, KTY 3. Ngụy Thanh Chiến, Số CCHN 000353/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; CNĐD; Phạm vi CM: Theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng
21	Nguyễn Thị Linh Nhi	024301013547		Cử nhân Điều dưỡng (cấp ngày 25/8/2023)	Cử nhân Điều dưỡng	Đa khoa	06 tháng (từ ngày 08/5/2025)	01 tháng tại Khoa CC-HSTC-CD; 04 tháng 27 ngày tại Khoa Ngoại; 03 ngày tại Phòng Điều dưỡng	1. Nguyễn Thu Thủy, Số CCHN 000363/BG-CCHN cấp ngày 21/04/2022; CN ĐD; Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, KTY 2. Nguyễn Thị Thoa, Số CCHN 000082/BG-CCHN cấp ngày 21/04/2022; ĐĐCKI; Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, KTY 3. Ngụy Thanh Chiến, Số CCHN 000353/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; CNĐD; Phạm vi CM: Theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng

<i>TT</i>	<i>Họ tên người thực hành</i>	<i>Số CCCD</i>	<i>Đang làm việc tại cơ sở KBCB</i>	<i>Văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp</i>	<i>Chức danh đăng ký thực hành</i>	<i>Phạm vi hoạt động chuyên môn đăng ký thực hành</i>	<i>TG đăng ký thực hành (từ ngày...đến ngày..)</i>	<i>Nội dung thực hành/bộ phận chuyên môn</i>	<i>Người hướng dẫn thực hành (họ tên, số CCHN, ngày cấp, trình độ, phạm vi CM)</i>
22	Giáp Hồng Nhung	024302001298		Cử nhân Điều dưỡng (cấp ngày 12/02/2025)	Cử nhân Điều dưỡng	Đa khoa	06 tháng (từ ngày 05/5/2025)	01 tháng tại Khoa CC-HSTC-CĐ; 04 tháng 27 ngày tại Khoa Nhi; 03 ngày tại Phòng Điều dưỡng	1. Nguyễn Thu Thủy, Số CCHN 000363/BG-CCHN cấp ngày 21/04/2022; CN ĐD; Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, KTY 2. Trần Thị Thanh, Số CCHN 000407/BG-CCHN cấp ngày 21/04/2022; CN ĐD; Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, KTY 3. Ngụy Thanh Chiến, Số CCHN 000353/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; CNĐD; Phạm vi CM: Theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng
23	Trần Bích Thảo	024194000438	TTKSBT tỉnh Bắc Ninh	BS Y học dự phòng (cấp ngày 06/7/2018)	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Y học dự phòng	12 tháng (từ ngày 01/7/2025)	03 tháng KBCB tại Khoa CC-HSTC-CĐ; 2,5 tháng tại Khoa Nội; 2,5 tháng KCB tại khoa Nhi; 2,5 tháng tại Khoa Ngoại; 15 ngày tại Khoa Đông y; 20 ngày tại Khoa LCK; 07 ngày tại PK Da liễu (KKB); 03 ngày tại Phòng Điều dưỡng	1. Nguyễn Thành Hưng, Số CCHN 000342/BG-CCHN cấp ngày 08/3/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, chuyên khoa hồi sức, cấp cứu 2. Trần Thanh Huyền, Số CCHN 000366/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, nội khoa 3. Tạ Thị Tĩnh, Số CCHN 0003922/BG-CCHN cấp ngày 17/04/2015; BSCKI Nhi; KB, CB đa khoa 4. Đoàn Văn Trung, Số CCHN 000335/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKII; KB, CB đa khoa, chuyên khoa ngoại. 5. Nguyễn Quang Hiền; Số CCHN 006939/BG-CCHN cấp ngày 08/08/2018; BSCKI; KB, CB bằng y học cổ truyền. 6. Phùng Đăng Khoa; Số CCHN 000343/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, chuyên khoa răng hàm mặt 7. Hoàng Thị Linh; Số CCHN 005456/BG-CCHN cấp ngày 10/06/2016; BSCKI; KB, CB Nội khoa; bs Chuyên khoa mắt. 8. Trịnh Thị Tâm, Số CCHN 006816/BG-CCHN cấp ngày 26/04/2018; BSCKI; Khám, chữa bệnh đa khoa; Khám, chữa bệnh chuyên khoa da liễu 9. Ngụy Thanh Chiến, Số CCHN 000353/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; CNĐD; Phạm vi CM: Theo QĐ số

<i>TT</i>	<i>Họ tên người thực hành</i>	<i>Số CCCD</i>	<i>Đang làm việc tại cơ sở KBCB</i>	<i>Văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp</i>	<i>Chức danh đăng ký thực hành</i>	<i>Phạm vi hoạt động chuyên môn đăng ký thực hành</i>	<i>TG đăng ký thực hành (từ ngày...đến ngày..)</i>	<i>Nội dung thực hành/bộ phận chuyên môn</i>	<i>Người hướng dẫn thực hành (họ tên, số CCHN, ngày cấp, trình độ, phạm vi CM)</i>
								41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	
24	Hoàng Thị Thanh Loan	024193015027	TTKSBT tỉnh Bắc Ninh	BS Y học dự phòng (cấp ngày 28/7/2018)	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Y học dự phòng	12 tháng (từ ngày 01/7/2025)	03 tháng KBCB tại Khoa CC-HSTC-CĐ; 2,5 tháng tại Khoa Nội; 2,5 tháng KCB tại khoa Nhi; 2,5 tháng tại Khoa Ngoại; 15 ngày tại Khoa Đông y; 20 ngày tại Khoa LCK; 07 ngày tại PK Da liễu (KKB); 03 ngày tại Phòng Điều dưỡng	1. Nguyễn Thành Hưng, Số CCHN 000342/BG-CCHN cấp ngày 08/3/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, chuyên khoa hồi sức, cấp cứu 2. Trần Thanh Huyền, Số CCHN 000366/BG-CCHN; BSCKI; KB, CB đa khoa, nội khoa 3. Tạ Thị Tĩnh, Số CCHN 0003922/BG-CCHN cấp ngày 17/04/2015; BSCKI; KB, CB đa khoa 4. Đoàn Văn Trung, Số CCHN 000335/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKII; KB, CB đa khoa, chuyên khoa ngoại. 5. Nguyễn Quang Hiến; Số CCHN 006939/BG-CCHN cấp ngày 08/08/2018; BSCKI; KB, CB bằng y học cổ truyền. 6. Phùng Đăng Khoa; Số CCHN 000343/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, chuyên khoa răng hàm mặt 7. Hoàng Thị Linh; Số CCHN 005456/BG-CCHN cấp ngày 10/06/2016; BSCKI; KB, CB Nội khoa; bs Chuyên khoa mắt. 8. Trịnh Thị Tâm, Số CCHN 006816/BG-CCHN cấp ngày 26/04/2018; BSCKI; Khám, chữa bệnh đa khoa; Khám, chữa bệnh chuyên khoa da liễu 9. Ngụy Thanh Chiến, Số CCHN 000353/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; CNĐD; Phạm vi CM: Theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng
25	Nguyễn Thành Hoan	024085012524	Không	Y sỹ y học cổ truyền	Y sỹ y học cổ truyền	Y học cổ truyền	09 tháng (từ ngày 16/7/2025)	03 tháng tại khoa CC-HSTC-CĐ; 04 tháng tại Khoa Đông Y; 10 ngày tại Khoa PHCN; 10 ngày tại Khoa Nội; 10 ngày tại	1. Đỗ Văn Mạnh; Số CCHN 006417/BG-CCHN cấp ngày 25/08/2017; BSCKI; KB, CB chuyên khoa Hồi sức cấp cứu 2. Nguyễn Quang Hiến; Số CCHN 006939/BG-CCHN cấp ngày 08/08/2018; BSCKI; KB, CB bằng y học cổ truyền. 3. Nguyễn Minh Hiệp, Số CCHN 000420/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKI; KB, CB bằng y học cổ truyền. Bổ sung KB, CB chuyên khoa VLTL-PHCN

<i>TT</i>	<i>Họ tên người thực hành</i>	<i>Số CCCD</i>	<i>Đang làm việc tại cơ sở KBCB</i>	<i>Văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp</i>	<i>Chức danh đăng ký thực hành</i>	<i>Phạm vi hoạt động chuyên môn đăng ký thực hành</i>	<i>TG đăng ký thực hành (từ ngày...đến ngày..)</i>	<i>Nội dung thực hành/bộ phận chuyên môn</i>	<i>Người hướng dẫn thực hành (họ tên, số CCHN, ngày cấp, trình độ, phạm vi CM)</i>
								<p>Khoa Nhi; 10 ngày tại Khoa Ngoại; 07 ngày tại Khoa LCK(chuyên khoa Mắt); 10 ngày tại PK Da liễu (KKB); 03 ngày tại Phòng Điều dưỡng</p>	<p>4.Trần Thanh Huyền, Số CCHN 000366/BG-CCHN; BSCKI; KB, CB đa khoa, nội khoa 5. Tạ Thị Tĩnh, Số CCHN 0003922/BG-CCHN cấp ngày 17/04/2015; BSCKI; KB, CB đa khoa 6. Đoàn Văn Trung, Số CCHN 000335/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKII; KB, CB đa khoa, chuyên khoa ngoại. 7. Hoàng Thị Linh; Số CCHN 005456/BG-CCHN cấp ngày 10/06/2016; BSCKI; KB, CB Nội khoa; bs Chuyên khoa mắt. 8. Trịnh Thị Tâm, Số CCHN 006816/BG-CCHN cấp ngày 26/04/2018; BSCKI; Khám, chữa bệnh đa khoa; Khám, chữa bệnh chuyên khoa da liễu 9. Nguyễn Thanh Chiến, Số CCHN 000353/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; CNĐD; Phạm vi CM: Theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng</p>
26	Trần Văn Việt	024078002047		Trung cấp y học cổ truyền (cấp ngày 22/5/2025)	Y sĩ y học cổ truyền	Y học cổ truyền	09 tháng (từ ngày 01/8/2025)	<p>03 tháng tại khoa CC-HSTC-CĐ; 04 tháng tại Khoa Đông Y; 10 ngày tại Khoa PHCN; 10 ngày tại Khoa Nội; 10 ngày tại Khoa Nhi; 10 ngày tại Khoa Ngoại; 07 ngày tại Khoa LCK(chuyên khoa Mắt); 10 ngày tại PK Da liễu (KKB); 03 ngày tại Phòng Điều dưỡng</p>	<p>1. Đỗ Văn Mạnh; Số CCHN 006417/BG-CCHN cấp ngày 25/08/2017; BSCKI; KB, CB chuyên khoa Hồi sức cấp cứu 2. Nguyễn Quang Hiên; Số CCHN 006939/BG-CCHN cấp ngày 08/08/2018; BSCKI; KB, CB bằng y học cổ truyền. 3. Nguyễn Minh Hiệp, Số CCHN 000420/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKI; KB, CB bằng y học cổ truyền. Bổ sung KB, CB chuyên khoa VLTL-PHCN 4.Trần Thanh Huyền, Số CCHN 000366/BG-CCHN; BSCKI; KB, CB đa khoa, nội khoa 5. Tạ Thị Tĩnh, Số CCHN 0003922/BG-CCHN cấp ngày 17/04/2015; BSCKI; KB, CB đa khoa 6. Đoàn Văn Trung, Số CCHN 000335/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKII; KB, CB đa khoa, chuyên khoa ngoại. 7. Hoàng Thị Linh; Số CCHN 005456/BG-CCHN cấp ngày 10/06/2016; BSCKI; KB, CB Nội khoa; bs Chuyên khoa mắt.</p>

<i>TT</i>	<i>Họ tên người thực hành</i>	<i>Số CCCD</i>	<i>Đang làm việc tại cơ sở KBCB</i>	<i>Văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp</i>	<i>Chức danh đăng ký thực hành</i>	<i>Phạm vi hoạt động chuyên môn đăng ký thực hành</i>	<i>TG đăng ký thực hành (từ ngày...đến ngày..)</i>	<i>Nội dung thực hành/bộ phận chuyên môn</i>	<i>Người hướng dẫn thực hành (họ tên, số CCHN, ngày cấp, trình độ, phạm vi CM)</i>
								<p>8. Trịnh Thị Tâm, Số CCHN 006816/BG-CCHN cấp ngày 26/04/2018; BSCKI; Khám, chữa bệnh đa khoa; Khám, chữa bệnh chuyên khoa da liễu</p> <p>9. Nguyễn Thanh Chiến, Số CCHN 000353/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; CNĐD; Phạm vi CM: Theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng</p>	
27	Lê Thị Hồng	024301011813		Bác sĩ Y khoa (cấp ngày 30/6/2025)	Bác sĩ Y khoa	Đa khoa	12 tháng (từ 01/8/2025)	<p>03 tháng tại Khoa CC-HSTC-CD; 1,5 tháng tại Khoa Nội; 1,5 tháng KCB tại Khoa Nhi; 1,5 tháng tại khoa Ngoại; 1,5 tháng tại Khoa Phụ Sản-CSSKSS; 15 ngày tại Khoa Đông y; 15 ngày tại khoa PHCN; 01 tháng tại Khoa LCK (TMH-RHM-M); 10 ngày tại Khoa Xét nghiệm; 07 ngày tại Khoa CDHA; 10 ngày tại PK Da liễu (KKB); 03 ngày tại Phòng Điều dưỡng</p>	<p>1. Nguyễn Thành Hưng, Số CCHN 000342/BG-CCHN cấp ngày 08/3/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, chuyên khoa hồi sức, cấp cứu</p> <p>2. Trần Thanh Huyền, Số CCHN 000366/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, nội khoa</p> <p>3. Nguyễn Thị Lân, Số CCHN 005455/BG-CCHN cấp ngày 10/06/2016; BSCKI; KB, CB chuyên khoa Nhi</p> <p>4. Lê Thị Thúy Hương, Số CCHN 0003873/BG-CCHN cấp ngày 17/04/2015; BSCKI; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa phụ sản</p> <p>5. Đoàn Văn Trung, Số CCHN 000335/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKII; KB, CB đa khoa, chuyên khoa ngoại.</p> <p>6. Nguyễn Quang Hiên; Số CCHN 006939/BG-CCHN cấp ngày 08/08/2018; BSCKI; KB, CB bằng y học cổ truyền.</p> <p>7. Nguyễn Minh Hiệp; Số CCHN 000420/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKI; KB, CB bằng y học cổ truyền, bổ sung KBCB chuyên khoa VLTL-PHCN</p> <p>8. Phùng Đăng Khoa; Số CCHN 000343/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; BSCKI; KB, CB đa khoa, chuyên khoa răng hàm mặt</p> <p>9. Hoàng Thị Linh; Số CCHN 005456/BG-CCHN cấp ngày 10/06/2016; BSCKI; KB, CB Nội khoa; bs Chuyên khoa mắt.</p> <p>10. Lê Thị Hiên; Số CCHN 000341/BG-CCHN cấp ngày 05/09/2019; BSCKI; KB, CB chuyên khoa Tai- Mũi- Họng.</p> <p>11. Trịnh Thị Tâm, Số CCHN 006816/BG-CCHN cấp ngày 26/04/2018; BSCKI; Khám, chữa bệnh đa khoa; Khám, chữa bệnh chuyên khoa da liễu</p>

<i>TT</i>	<i>Họ tên người thực hành</i>	<i>Số CCCD</i>	<i>Đang làm việc tại cơ sở KBCB</i>	<i>Văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp</i>	<i>Chức danh đăng ký thực hành</i>	<i>Phạm vi hoạt động chuyên môn đăng ký thực hành</i>	<i>TG đăng ký thực hành (từ ngày...đến ngày..)</i>	<i>Nội dung thực hành/bộ phận chuyên môn</i>	<i>Người hướng dẫn thực hành (họ tên, số CCHN, ngày cấp, trình độ, phạm vi CM)</i>
								<p>12. Nguyễn Thị Sâm; Số CCHN 000355/BG-CCHN cấp ngày 21/01/2019; CN Xét nghiệm; Chuyên khoa xét nghiệm</p> <p>13. Hoàng Thị Minh; Số CCHN 0005060/BG-CCHN cấp ngày 09/12/2015; BSCKI; Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh</p> <p>14. Ngụy Thanh Chiến, Số CCHN 000353/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; CNĐD; Phạm vi CM: Theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng</p>	
28	Nguyễn Thị Mùi	024191002030	TTYT Việt Yên	Cử nhân Điều dưỡng (cấp ngày 30/6/2025)	Cử nhân Điều dưỡng	Đa khoa	06 tháng (từ ngày 01/8/2025)	<p>01 tháng tại Khoa CC-HSTC-CĐ; 04 tháng 27 ngày tại Khoa Liên chuyên khoa; 03 ngày tại Phòng Điều dưỡng</p>	<p>1. Nguyễn Thu Thủy, Số CCHN 000363/BG-CCHN cấp ngày 21/04/2022; CN ĐD; Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, KTY</p> <p>2. Vũ Thị Hạ, Số CCHN 000350/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; CN ĐD; Phạm vi CM: Theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng</p> <p>3. Ngụy Thanh Chiến, Số CCHN 000353/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; CNĐD; Phạm vi CM: Theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng</p>
29	Nguyễn Thị Phương	024191003702	TTYT Việt Yên	Cử nhân Điều dưỡng (cấp ngày 30/6/2025)	Cử nhân Điều dưỡng	Đa khoa	06 tháng (từ ngày 01/8/2025)	<p>01 tháng tại Khoa CC-HSTC-CĐ; 04 tháng 27 ngày tại Khoa Ngoại; 03 ngày tại Phòng Điều dưỡng</p>	<p>1. Nguyễn Thu Thủy, Số CCHN 000363/BG-CCHN cấp ngày 21/04/2022; CN ĐD; Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, KTY</p> <p>2. Nguyễn Thị Thoa, Số CCHN 000082/BG-CCHN cấp ngày 21/04/2022; ĐĐCKI; Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, KTY</p> <p>3. Ngụy Thanh Chiến, Số CCHN 000353/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; CNĐD; Phạm vi CM: Theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng</p>

<i>TT</i>	<i>Họ tên người thực hành</i>	<i>Số CCCD</i>	<i>Đang làm việc tại cơ sở KBCB</i>	<i>Văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp</i>	<i>Chức danh đăng ký thực hành</i>	<i>Phạm vi hoạt động chuyên môn đăng ký thực hành</i>	<i>TG đăng ký thực hành (từ ngày...đến ngày..)</i>	<i>Nội dung thực hành/bộ phận chuyên môn</i>	<i>Người hướng dẫn thực hành (họ tên, số CCHN, ngày cấp, trình độ, phạm vi CM)</i>
									vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng
30	Đoàn Thị Hằng	024303003747		Chứng nhận tốt nghiệp Cử nhân điều dưỡng (cấp ngày 02/7/2025)	Cử nhân Điều dưỡng	Đa khoa	06 tháng (từ ngày 01/8/2025)	01 tháng tại Khoa CC-HSTC-CĐ; 04 tháng 27 ngày tại Khoa Ngoại; 03 ngày tại Phòng Điều dưỡng	1. Nguyễn Thu Thủy, Số CCHN 000363/BG-CCHN cấp ngày 21/04/2022; CN ĐD; Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, KTY 2. Nguyễn Thị Thoa, Số CCHN 000082/BG-CCHN cấp ngày 21/04/2022; ĐDCKI; Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, KTY 3. Ngụy Thanh Chiến, Số CCHN 000353/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; CNĐD; Phạm vi CM: Theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng
31	Giáp Thị Hồng Nhung	024303006159		Chứng nhận tốt nghiệp Cử nhân điều dưỡng (cấp ngày 02/7/2025)	Cử nhân Điều dưỡng	Đa khoa	06 tháng (từ ngày 01/8/2025)	01 tháng tại Khoa CC-HSTC-CĐ; 04 tháng 27 ngày tại Khoa Ngoại; 03 ngày tại Phòng Điều dưỡng	1. Nguyễn Thu Thủy, Số CCHN 000363/BG-CCHN cấp ngày 21/04/2022; CN ĐD; Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, KTY 2. Nguyễn Thị Thoa, Số CCHN 000082/BG-CCHN cấp ngày 21/04/2022; ĐDCKI; Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, KTY 3. Ngụy Thanh Chiến, Số CCHN 000353/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; CNĐD; Phạm vi CM: Theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng
32	Nguyễn Thị Cảnh	024181005014	TTYT Việt Yên	Cử nhân Điều dưỡng (cấp ngày 30/6/2025)	Cử nhân Điều dưỡng	Đa khoa	06 tháng (từ ngày 01/8/2025)	04 tháng 27 ngày tại Khoa Nội; 03 ngày tại Phòng Điều dưỡng; 01 tháng tại Khoa CC-HSTC-CĐ	1. Nguyễn Thị Tình; Số CCHN 000401/BG-CCHN cấp ngày 21/4/2022; CN ĐD; Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, KTY 2. Ngụy Thanh Chiến, Số CCHN 000353/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; CNĐD; Phạm vi CM: Theo QĐ số

<i>TT</i>	<i>Họ tên người thực hành</i>	<i>Số CCCD</i>	<i>Đang làm việc tại cơ sở KBCB</i>	<i>Văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp</i>	<i>Chức danh đăng ký thực hành</i>	<i>Phạm vi hoạt động chuyên môn đăng ký thực hành</i>	<i>TG đăng ký thực hành (từ ngày...đến ngày..)</i>	<i>Nội dung thực hành/bộ phận chuyên môn</i>	<i>Người hướng dẫn thực hành (họ tên, số CCHN, ngày cấp, trình độ, phạm vi CM)</i>
									41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng 3. Tô Thị Thảo, Số CCHN 000375/BG-CCHN cấp ngày 21/04/2022; CN ĐĐ; Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, KTY
33	Ngô Thị Thu	024190017203	TTYT Việt Yên	Cử nhân Điều dưỡng (cấp ngày 30/6/2025)	Cử nhân Điều dưỡng	Đa khoa	06 tháng (từ ngày 01/8/2025)	01 tháng tại Khoa CC-HSTC-CĐ; 04 tháng 27 ngày tại Khoa Liên chuyên khoa; 03 ngày tại Phòng Điều dưỡng	1. Tô Thị Thảo, Số CCHN 000375/BG-CCHN cấp ngày 21/04/2022; CN ĐĐ; Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, KTY 2. Vũ Thị Hạ, Số CCHN 000350/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; CN ĐĐ; Phạm vi CM: Theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng 3. Nguyễn Thanh Chiến, Số CCHN 000353/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; CN ĐĐ; Phạm vi CM: Theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng
34	Thân Thị Huyền	024184008521	TTYT Việt Yên	Cử nhân Điều dưỡng (cấp ngày 30/6/2025)	Cử nhân Điều dưỡng	Đa khoa	06 tháng (từ ngày 01/8/2025)	04 tháng 27 ngày tại Khoa Truyền nhiễm; 03 ngày tại Phòng Điều dưỡng; 01 tháng tại Khoa CC-HSTC-CĐ;	1. Nguyễn Thị Thu Hương, Số CCHN 000360/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; CN ĐĐ; Phạm vi CM: Theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng 2. Nguyễn Thanh Chiến, Số CCHN 000353/BG-CCHN cấp ngày 08/03/2013; CN ĐĐ; Phạm vi CM: Theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng 3. Nguyễn Thu Thủy, Số CCHN 000363/BG-CCHN cấp ngày 21/04/2022; CN ĐĐ; Quy định tại TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, KTY

<i>TT</i>	<i>Họ tên người thực hành</i>	<i>Số CCCD</i>	<i>Đang làm việc tại cơ sở KBCB</i>	<i>Văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp</i>	<i>Chức danh đăng ký thực hành</i>	<i>Phạm vi hoạt động chuyên môn đăng ký thực hành</i>	<i>TG đăng ký thực hành (từ ngày...đến ngày..)</i>	<i>Nội dung thực hành/bộ phận chuyên môn</i>	<i>Người hướng dẫn thực hành (họ tên, số CCHN, ngày cấp, trình độ, phạm vi CM)</i>
35	Phạm Thị Lan	024199012685		Bác sĩ đa khoa (cấp ngày 13/7/2023)	Bác sĩ đa khoa	Da liễu	10 ngày (từ 01/8/2025 đến ngày 10/8/2025)	10 ngày KCB tại Phòng khám Da liễu (Khoa Khám bệnh)	1. Trịnh Thị Tâm, Số CCHN 006816/BG-CCHN cấp ngày 26/04/2018; BSCKI; Khám, chữa bệnh đa khoa; Khám, chữa bệnh chuyên khoa da liễu